

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**VÕ VĂN HÒA**

**PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP**  
**HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**

**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng - Năm 2014**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: **PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 2: **TS. BÙI ĐỨC HÙNG**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 6 năm 2014

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của đề tài

Tiểu thủ công nghiệp (TTCN) luôn giữ vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội nói chung và trong quá trình phát triển nông thôn Việt Nam nói riêng. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển các nghề tiểu thủ công nghiệp rất có ý nghĩa trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Tiên Phước là huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam. Trong những năm qua, sản xuất nông, lâm nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế huyện. Các ngành kinh tế khác trong đó có ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đã được huyện chú trọng đang từng bước đi đúng hướng và có bước phát triển khá. Tuy nhiên, những kết quả đạt được còn khiêm tốn, sản xuất Tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh sẵn có và yêu cầu của phát triển TTCN trên địa bàn huyện.

Nhằm góp phần hoàn thiện những vấn đề có tính chất lý luận và thực tiễn về phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện Tiên Phước, xác định những hướng đi phù hợp trong tiến trình phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế hộ gia đình, tôi đã chọn đề tài: **“Phát triển Tiểu thủ công nghiệp huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam”** cho Luận văn của mình.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển TTCN.
- Phân tích và đánh giá tình hình phát triển TTCN huyện Tiên Phước.
- Đề xuất một số định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển TTCN của huyện trong thời gian tới.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu tình hình phát triển TTCN huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Tại địa bàn huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng phát triển TTCN huyện Tiên Phước từ năm 2009 – 2013 và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển TTCN của huyện đến năm 2020.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, các phương pháp phân tích chuẩn tắc và phân tích thực chứng trong kinh tế xã hội. Sử dụng rộng rãi các phương pháp tổng hợp thống kê, thống kê mô tả và thống kê phân tích. Nguồn số liệu sử dụng trong đề tài bao gồm: Số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp.

### **5. Kết cấu đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển TTCN.

Chương 2: Thực trạng phát triển TTCN huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Giải pháp phát triển TTCN huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

## **CHƯƠNG 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP**

#### **1.1. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM CỦA TTCN**

##### **1.1.1. Một số khái niệm**

- Nghề thủ công: là những nghề sản xuất ra sản phẩm mà kỹ thuật sản xuất chủ yếu là làm bằng tay. Nguyên liệu của các nghề thủ công thường lấy trực tiếp từ thiên nhiên; công cụ sản xuất thường là công cụ cầm tay đơn giản.

- Thủ công nghiệp: là lĩnh vực sản xuất bao gồm tất cả các nghề thủ công. Cũng có khi gọi là ngành nghề thủ công.

- Ngành TTCN: là lĩnh vực sản xuất bao gồm các nghề thủ công và các cơ sở công nghiệp nhỏ. Thường các cơ sở công nghiệp nhỏ này có nguồn gốc từ các nghề thủ công phát triển thành.

- Làng nghề TTCN: là làng có nghề TTCN phát triển với một tỷ lệ số hộ và tỷ lệ thu nhập từ nghề TTCN nhất định, trở thành nguồn thu nhập quan trọng không thể thiếu được của người dân trong làng.

Như vậy có thể hiểu tiêu thủ công nghiệp là: ngành sản xuất thủ công là chủ yếu, có thể sử dụng tiến bộ kỹ thuật cho một số công đoạn nhưng chất lượng và đặc trưng của sản phẩm vẫn do thủ công quyết định; quy mô các cơ sở sản xuất TTCN nhỏ; ngành nghề TTCN gắn liền với đời sống của người dân nông thôn.

##### **1.1.2. Vai trò của TTCN trong phát triển kinh tế**

- Phát triển các nghề TTCN góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Phát triển TTCN sẽ góp phần phát triển kinh tế địa phương và thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển TTCN góp phần làm tăng giá trị hàng hóa, dịch vụ cho nền kinh tế.

- Phát triển TTCN góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh nội lực của địa phương.

- Phát triển các nghề TTCN sẽ góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của địa phương.

- Phát triển TTCN góp phần phát triển công nghiệp nông thôn trong quá trình CNH - HDH nông nghiệp, nông thôn.

### **1.1.3. Đặc trưng của nghề tiểu thủ công nghiệp**

- Ra đời và phát triển trên cơ sở kỹ thuật tinh xảo và tài hoa của các nghệ nhân, được truyền từ đời này sang đời khác.

- Đáp ứng được nhu cầu của xã hội ở các địa phương và trong cả nước nên giá trị và giá trị sử dụng khá cao.

- Sản xuất tập trung, tạo thành các làng nghề.

- Kỹ thuật, công nghệ khá ổn định.

- Sử dụng nguyên vật liệu được khai thác tại chỗ là chủ yếu.

## **1.2. NỘI DUNG VÀ CHỈ TIÊU PHẢN ÁNH TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP**

### **1.2.1. Nội dung của phát triển tiểu thủ công nghiệp**

#### ***a. Mở rộng quy mô các nguồn lực***

Mở rộng quy mô các yếu tố nguồn lực của TTCN nghĩa là làm cho yếu tố về lao động, nguồn vốn, hệ thống cơ sở vật chất của cơ sở TTCN ngày càng tăng lên.

- Về vốn: Phản ánh qua quy mô vốn đầu tư trong TTCN ngày càng gia tăng, nâng cao khả năng huy động vốn và hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Phát triển TTCN phải tăng quy mô vốn, khả năng huy động và hiệu quả sử dụng vốn trong công nghiệp.

Vốn đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư quyết định phân bổ nguồn lực vào các ngành kinh tế nói chung và phát triển TTCN nói riêng. Khi các nguồn lực trong sản xuất TTCN thay đổi làm thay đổi năng lực sản xuất, kéo theo tăng trưởng sản lượng sản xuất TTCN.

- Về lao động: Nâng cao về số lượng, chất lượng nguồn lao động, khả năng giải quyết việc làm cho người lao động và nâng cao tỷ lệ lao động có tay nghề cao thông qua các hình thức đào tạo.

Điều chỉnh mô hình sản xuất TTCN dựa nhiều hơn vào nguồn lực lao động. Tận dụng tối đa số lượng lao động, đồng thời không ngừng nâng cao năng suất lao động, nghĩa là sử dụng gắn với nâng cao chất lượng lao động.

### ***b. Nâng cao chất lượng sản xuất Tiểu thủ công nghiệp***

Để nâng cao chất lượng sản xuất TTCN cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng đầu tư đổi mới máy móc thiết bị. Chú trọng công tác khuyến công, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất, phát triển mô hình sản xuất hiệu quả nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất TTCN.

### ***c. Phát triển hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh***

TTCN có nhiều hình thức tổ chức kinh doanh, trong đó hình thức hộ gia đình vẫn chiếm đa số về lao động và số cơ sở sản xuất, số lượng loại hình tổ chức doanh nghiệp và hợp tác xã chiếm tỷ lệ thấp. Để TTCN có sự tăng trưởng và phát triển ổn định cần khuyến khích phát triển loại hình doanh nghiệp TTCN vì loại hình này có lợi thế là tính linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh.

### ***d. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm TTCN***

Một trong những khó khăn hiện nay của các doanh nghiệp đó là vấn đề thị trường và tiêu thụ sản phẩm. Trong xu thế hội nhập và cạnh tranh, các đơn vị cần chủ động trong việc phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

Cần có cơ chế, chính sách khuyến khích tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận, tìm kiếm và mở rộng thị trường. Chú trọng hỗ trợ công tác quảng bá, giới thiệu tiêu thụ sản phẩm TTCN. Để việc tiêu thụ sản phẩm được phát triển ổn định cần thực hiện liên

doanh, liên kết trong các tổ chức sản xuất, thực hiện gắn kết việc thu hút, tạo nguồn nguyên liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm.

***e. Tăng cường công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển quy mô sản xuất TTCN***

TTCN không thể phát triển được với một hệ thống cơ sở hạ tầng thấp kém còn thiếu thốn đủ thứ. Do đó, một hệ thống cơ sở hạ tầng được phát triển là nơi quan trọng đối với tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, nó phục vụ tích cực cho phát triển cho các ngành TTCN, đồng thời tạo điều kiện để hợp nhất và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng là một nội dung quan trọng nhằm tạo điều kiện để phát triển TTCN phù hợp với phát triển kinh tế xã hội từng vùng, khu vực. Cơ sở hạ tầng đồng bộ, hoàn thiện sẽ góp phần thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Phát triển, gia tăng quy mô sản xuất TTCN là một trong những tiêu chí quan trọng để nghiên cứu, đánh giá sự phát triển TTCN. Gia tăng quy mô sản xuất TTCN phản ánh gia tăng về số lượng doanh nghiệp TTCN, sản lượng TTCN được sản xuất ra về số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã sản phẩm,...

**1.2.2. Chỉ tiêu phản ánh tình hình phát triển TTCN**

***a. Nhóm chỉ tiêu phản ánh quy mô nguồn lực sản xuất***

- Số lượng cơ sở sản xuất TTCN
- Số lao động TTCN
- Vốn đầu tư sản xuất TTCN
- Giá trị thiết bị sản xuất TTCN

***b. Nhóm chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất TTCN***

- Sản lượng sản phẩm
- Giá trị sản xuất (GTSX):

Giá trị sản xuất của từng ngành hoặc toàn doanh nghiệp là toàn bộ giá trị của các sản phẩm vật chất và dịch vụ hữu ích do lao động



của từng ngành hoặc toàn bộ doanh nghiệp làm ra trong một thời kỳ nhất định, thường là một tháng, một quý hoặc một năm.

- Giá trị gia tăng: phản ánh bộ phận giá trị mới được tạo ra của các hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ của từng ngành hoặc toàn doanh nghiệp mới làm ra.

- Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Lợi nhuận: là khoảng chênh lệch giữa tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ kế toán..

### ***c. Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sản xuất TTCN***

- Năng suất lao động (giá trị sản xuất (giá trị gia tăng)/số lao động bình quân): thể hiện sức sản xuất của lao động và được đo lường bằng số lượng sản phẩm được sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian cần thiết để sản xuất một đơn vị sản phẩm.

- Hiệu quả sử dụng vốn (giá trị sản xuất (giá trị gia tăng, lợi nhuận)/vốn bình quân): là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng vốn của doanh nghiệp để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất với chi phí sử dụng vốn là thấp nhất.

- Tỷ suất lợi nhuận (lợi nhuận/doanh thu): là quan hệ tỷ lệ giữa số lợi nhuận (trước thuế hoặc sau thuế) thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động với tổng doanh thu thuần thu về.

### ***d. Nhóm chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng sản xuất TTCN***

- Tốc độ phát triển, tốc độ phát triển bình quân GTSX TTCN.

- Tốc độ tăng, tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất TTCN.

### ***e. Nhóm chỉ tiêu phản ảnh mức đóng góp của TTCN***

- Tỷ lệ giá trị sản xuất TTCN/GTSX công nghiệp.

- Tỷ lệ giá trị sản xuất TTCN/GTSX của toàn nền kinh tế.

### **1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP**

#### **1.3.1. Nguồn lao động**

Nguồn lao động là yếu tố đầu vào không thể thiếu của TTCN, có tác động đến sản lượng đầu ra của doanh nghiệp. Lao động chính là động lực của phát triển TTCN.

#### **1.3.2. Nhu cầu thị trường**

Sự tồn tại và phát triển của các nghề TTCN phụ thuộc rất lớn vào sự biến đổi của thị trường. Thị trường vừa là động lực, là điều kiện, thước đo kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh TTCN.

#### **1.3.3. Nguồn lực vốn**

Vốn là yếu tố, là nguồn lực quan trọng đối với bất kỳ quá trình sản xuất, kinh doanh nào. Sự phát triển của các nghề TTCN cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng của nhân tố vốn sản xuất.

#### **1.3.4. Yếu tố nguyên vật liệu**

#### **1.3.5. Kết cấu hạ tầng**

#### **1.3.6. Trình độ kỹ thuật và công nghệ**

#### **1.3.7. Yếu tố truyền thống**

#### **1.3.8. Môi trường thể chế và sự điều tiết của Nhà nước**

### **1.4. CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN TTCN Ở VIỆT NAM**

**1.4.1. Các bài học kinh nghiệm về phát triển TTCN ở Việt Nam**

**1.4.2. Một số Kinh nghiệm đối với huyện Tiên Phước trong quá trình phát triển TTCN**

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

#### 2.1. ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN TIÊN PHƯỚC

##### 2.1.1. Về điều kiện tự nhiên

- a. Về vị trí địa lý*
- b. Đặc điểm về khí hậu*
- c. Đặc điểm về địa hình*
- d. Về thổ nhưỡng*

##### 2.1.2. Tình hình về kinh tế - xã hội huyện Tiên Phước

###### *a. Tình hình phát triển kinh tế của huyện*

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện khá cao. Chỉ trong vòng 4 năm, từ năm 2009 – 2013 mà giá trị tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế của huyện tăng gần gấp 2 lần, tốc độ tăng trưởng bình quân là 18,27%. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch tương đối phù hợp với quy luật, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Tỷ trọng của các ngành có hướng chuyển dịch tích cực.

###### *b. Tình hình về xã hội của huyện*

- Tình hình về dân số và lao động của huyện Tiên Phước: Quy mô dân số tăng chậm và liên tục qua các năm, tốc độ tăng dân số bình quân từ năm 2009 – 2013 là 0,54%. Điều này chứng tỏ huyện đã thực hiện tốt các chính sách kế hoạch gia đình, góp phần ổn định quy mô dân số nhằm phục vụ tốt cho việc tính toán phân tích để hoạch định các chính sách kinh tế xã hội của huyện.

Huyện Tiên Phước có nguồn nhân lực dồi dào, số lượng lao động tăng dần qua các năm, tốc độ tăng lao động bình quân từ năm 2009 – 2013 là 6,13%. Do đó, việc đẩy mạnh phát triển TTCN cũng là một trong những giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết việc làm cho lao động địa phương, tăng thu nhập, cải thiện điều kiện sống cho người dân nông thôn.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng kỹ thuật của huyện đã có rất nhiều thay đổi. Hệ thống cơ sở hạ tầng đã được đầu tư xây dựng, tạo tiền đề và tăng năng lực thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

+ *Về mạng lưới giao thông*: Nhìn chung, mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện phát triển nhanh chóng. Sự phát triển tiên bộ vượt bậc trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế - xã hội đã tạo ra diện mạo nông thôn Tiên Phước ngày càng văn minh, hiện đại. Tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế huyện phát triển, đặc biệt là phát triển ngành TTCN.

+ *Về cấp điện*: Hệ thống điện ngày càng được nâng cấp và phát triển mạnh. Hệ thống điện được trải khắp 15 xã, thị trấn đảm bảo cung cấp điện năng cho sinh hoạt và phục vụ sản xuất cho 99% các hộ dân. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển TTCN của huyện.

+ *Về cấp nước*: Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch chưa cao. Tính đến cuối năm 2013, toàn huyện có 61.088 người sử dụng nước hợp vệ sinh, chiếm tỷ lệ 87,68%.

## **2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN TIÊN PHƯỚC**

### **2.2.1. Tình hình tổ chức sản xuất ngành TTCN**

#### ***a. Về cơ sở sản xuất kinh doanh TTCN***

**Bảng 2.3: Số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh TTCN  
huyện Tiên Phước giai đoạn 2009 - 2013**

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tốc độ tăng BQ (%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>599</b>	<b>612</b>	<b>630</b>	<b>638</b>	<b>660</b>	3,33
- Hộ cá thể	564	573	585	597	611	2,95
- DNTN, Hỗn hợp	35	39	45	41	49	8,78

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tiên Phước*

Nhìn chung, các loại hình tham gia sản xuất Tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là hộ cá thể và liên tục tăng qua các năm từ 2009 - 2013. Tuy nhiên, hộ sản xuất cá thể vẫn chiếm giữ số lượng nhiều nhất qua các năm, luôn chiếm trên 90% trong tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh TTCN.

#### ***b. Về lao động của ngành TTCN***

Phần lớn số lượng lao động làm việc trong các ngành nghề Tiểu thủ công nghiệp đều tăng qua các năm. Lực lượng lao động tăng đều ở các thành phần kinh tế, tuy nhiên số lượng lao động ở thành phần kinh tế hộ cá thể vẫn chiếm số đông, trên 50% tổng số lao động làm việc trong ngành TTCN.

#### **2.2.2. Vốn sản xuất kinh doanh Tiểu thủ công nghiệp**

Các cơ sở sản xuất TTCN ở Tiên Phước phần lớn là hộ cá thể nên quy mô vốn sản xuất nhỏ, vốn dùng cho sản xuất chủ yếu là nguồn vốn tự có. Đa số các mặt hàng làm ra có chu kỳ sản xuất ngắn, phần lớn sản phẩm sản xuất ra bao nhiêu thì bán bấy nhiêu nên số tiền bán được làm vốn sản xuất các sản phẩm sau. Do vậy nên vốn sản xuất kinh doanh được huy động bằng cách lấy ngắn nuôi dài. Đây là một hạn chế rất lớn đối với sản xuất TTCN của huyện.

**Bảng 2.6: Vốn đầu tư sản xuất của ngành TTCN  
huyện Tiên Phước giai đoạn 2009 – 2013**

*DVT: Triệu đồng*

T T	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tốc độ tăng BQ (%)
	<b>Tổng cộng</b>	44.110	50.585	62.110	82.865	109.693	25,58
1.	Hộ cá thể	4.250	4.721	9.650	11.350	12.153	30,04
2.	DNTN, HH	39.860	45.864	52.460	71.515	97.540	25,07

*Nguồn: Báo cáo Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiên Phước và số liệu điều tra của tác giả*

Nhìn vào số liệu trên, ta thấy trong năm 2009 nguồn vốn đầu tư vào sản xuất của DNTN, HH đạt ở mức cao nhất là 39.860 triệu đồng, nhưng đến năm 2013 tăng lên 97.540 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân là 25,07%. Trong khi nguồn vốn đầu tư của hộ cá thể rất nhỏ, chỉ 4.250 triệu đồng năm 2009 và tăng lên 12.153 triệu đồng vào năm 2013.

Mặc dù, hộ cá thể chiếm số lượng cơ sở lớn, tổng nguồn vốn đầu tư ở hộ cá thể nhỏ hơn rất nhiều so với các DNTN, HH. Tuy nhiên bằng sự cố gắng và quyết tâm lớn của các cơ sở sản xuất TTCN đã huy động và tận dụng tối đa các nguồn vốn để đầu tư phát triển TTCN, do đó trong vòng 5 năm từ 2009 - 2013 nguồn vốn đầu tư của các hộ cá thể sản xuất TTCN tăng lên gấp 3 lần, tốc độ tăng bình quân hằng năm 30,04%.

Nhìn chung, nguồn vốn đầu tư còn ít so với nhu cầu để phát triển TTCN, chỉ mới đầu tư nhỏ lẻ, chưa đủ khả năng đầu tư cho các dự án có quy mô, hệ thống sản xuất lớn.

### 2.2.3. Tình hình trang bị máy móc phục vụ cho sản xuất TTCN

Hiện nay, máy móc thiết bị được trang bị phục vụ sản xuất tại các cơ sở sản xuất TTCN trên địa bàn huyện Tiên Phước chủ yếu là sử dụng máy móc thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu. Các cơ sở sản xuất không đủ để trang bị các máy móc hiện đại, phần lớn các cơ sở hoạt động sản xuất vẫn còn sử dụng lao động chân tay nên cách sản xuất sản phẩm còn rất thủ công, chính vì vậy mà sản phẩm làm ra chất lượng không cao và vệ sinh thực phẩm vẫn chưa được bảo đảm.

### 2.2.4. Kết quả sản xuất kinh doanh của ngành TTCN

#### a. Giá trị sản xuất TTCN

Trong những năm qua nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng có nhiều biến động và ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất kinh doanh nhưng tổng giá trị sản xuất TTCN trên địa bàn huyện Tiên Phước vẫn tăng dần qua các năm.

**Bảng 2.8: Giá trị sản xuất của TTCN huyện Tiên Phước giai đoạn 2009 – 2013 (giá cố định 94)**

Chi tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tốc độ tăng BQ (%)
<b>GTSX (Triệu đồng)</b>	30.510,6	38.203,9	44.708,2	61.250,2	81.440,0	27,82
<b>Tốc độ tăng (%)</b>	-	25,22	17,03	37,00	32,96	

*Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tiên Phước*

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy, giá trị sản xuất TTCN tăng không đều qua các năm, năm 2009 giá trị sản xuất TTCN đạt 30.510,6 triệu đồng, năm 2011 là 44.708,2 triệu đồng, nhưng đến

năm 2013 tăng lên 81.440 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân là 27,82% vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XV của huyện đề ra là 2,82%.

Tham gia vào phát triển TTCN của huyện có các loại hình kinh tế như DNTN, Hỗn hợp, hộ cá thể. Trong những năm qua, mặc dù loại hình hộ cá thể vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn loại hình DNTN, HH, tuy nhiên tỷ trọng của loại hình hộ cá thể có xu hướng giảm dần, còn tỷ trọng loại hình DNTN, HH có xu hướng ngày càng tăng.

Cơ cấu giá trị sản xuất Tiểu thủ công nghiệp của các ngành nghề luôn luôn có sự thay đổi qua các năm. Qua đó cho thấy cơ cấu ngành nghề luôn luôn có sự phát triển không ổn định. Cần phải thúc đẩy các ngành mà huyện có nhiều tiềm năng phát triển.

#### ***b. Tình hình tiêu thụ sản phẩm TTCN***

Trong những năm qua, sản phẩm TTCN của huyện Tiên Phước chủ yếu được tiêu thụ trên địa bàn và các địa phương lân cận. Chỉ có một số loại sản phẩm như: hàng may mặc, chế biến gỗ, dăm gỗ và sản xuất trầm hương,... được xuất khẩu nhưng sản lượng và giá trị còn thấp.

Doanh thu ngành TTCN tăng dần qua các năm. Năm 2009, tổng doanh thu đạt 105.586 triệu đồng, đến năm 2013 là 281.510 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân hằng năm là 27,78%.

#### ***c. Kết quả tài chính của ngành Tiểu thủ công nghiệp***

Năm 2013, mặc dù đứng trước tình hình kinh tế thế giới nói chung, trong nước nói riêng có nhiều khó khăn và các nguồn lực của huyện Tiên Phước còn nhiều hạn chế nhưng kết quả tài chính của ngành TTCN trên địa bàn huyện vẫn có chiều hướng khả quan, 100% doanh nghiệp có lãi, không có doanh nghiệp lỗ, lãi bình quân của DNTN, Hỗn hợp đạt 186,9 triệu đồng, hộ cá thể đạt 18,9 triệu đồng.



## 2.2.5. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của ngành TTCN

**Bảng 2.15: Hiệu quả SXKD của ngành TTCN  
huyện Tiên Phước năm 2013**

TT	Chi tiêu	ĐVT	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	Hệ số lợi nhuận/vốn
1.	Hộ cá thể	Lần	0,09	0,95
2.	DNTN, HH	Lần	0,06	0,09

*Nguồn: Chi cục thống kê huyện Tiên Phước và số liệu điều tra của tác giả*

Từ bảng số liệu trên, ta thấy: Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu của hộ sản xuất cá thể có tỷ suất lợi nhuận 0,09 và DNTN, Hỗn hợp có tỷ suất thấp nhất 0,06. Điều đó cho thấy, hiệu quả sản xuất kinh doanh của hộ cá thể cao hơn DNTN, HH; Hệ số lợi nhuận/vốn của Hộ cá thể có tỷ suất 0,95 cao hơn gấp 10 lần DNTN, hỗn hợp có tỷ suất thấp 0,09.

## 2.2.6. Tình hình thị trường tiêu thụ sản phẩm

Các sản phẩm TTCN ở huyện Tiên Phước có thị trường đầu ra còn rất hẹp. Hình thức tiêu thụ sản phẩm của ngành Tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là tiêu thụ trực tiếp và qua chủ hàng, còn hình thức tiêu thụ theo hợp đồng chiếm tỷ lệ nhỏ.

## 2.3. NHỮNG ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TTCN HUYỆN TIÊN PHƯỚC

### 2.3.1. Những thành tựu đạt được

- Nhìn chung, tình hình sản xuất TTCN qua 5 năm (2009 – 2013) trên địa bàn huyện mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tổng giá trị sản xuất TTCN trên địa bàn huyện tăng dần qua từng năm, tốc độ tăng bình quân hằng năm 27,82%. Cơ cấu sản xuất chuyển đổi theo hướng tích cực gắn liền với thị trường tiêu thụ, góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH - HĐH, kim ngạch xuất khẩu và cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu có chuyển biến tích cực theo hướng tăng dần các

sản phẩm qua chế biến và giảm tỷ trọng các sản phẩm thô, tác động tích cực đến đời sống nhân dân, góp phần tăng thu nhập cho người lao động, nâng cao mức sống của người dân, tạo tiền đề để huyện Tiên Phước phát triển và góp phần xây dựng nông thôn mới [26].

- Số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh TTCN không ngừng tăng lên qua các năm. Một số cơ sở sản xuất TTCN đã sử dụng có hiệu quả từ nguồn khuyến công địa phương do ngân sách hỗ trợ hằng năm, trong việc nhân cấy, khôi phục phát triển các nghề truyền thống và phát triển thị trường tiêu thụ [26].

- Đã tận dụng được lao động tại chỗ, lao động gia đình. Ngành TTCN thu hút ngày càng nhiều lao động tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh. Cơ cấu lao động đã chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng lao động trong khu vực nông lâm và thủy sản, sang khu vực CN – TTCN và dịch vụ.

- Môi trường đầu tư được cải thiện, cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp ngày càng được hoàn thiện, góp phần tích cực vào thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư tại địa phương.

- Hiệu quả sử dụng vốn khá cao, doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, không có cơ sở sản xuất kinh doanh lỗ.

- Hoạt động khuyến công được chú trọng [26].

### **2.3.2. Những mặt hạn chế**

- Tốc độ phát triển TTCN của huyện còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của huyện.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tạo được thương hiệu mạnh nên chưa có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Hoạt động sản xuất TTCN chủ yếu các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô nhỏ, hoạt động tự phát, lao động ít, nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, trình độ công nghệ, máy móc thiết bị cũ còn khá phổ biến, trình độ kỹ thuật và năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao [26].

- Cơ cấu, chủng loại sản phẩm nghèo nàn, thiếu đa dạng; mẫu mã, kiểu dáng đơn điệu, chậm đổi mới, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, chưa có các sản phẩm mũi nhọn mang tính chiến lược lâu dài, sức cạnh tranh trên thị trường thấp.

- Chất lượng nguồn lao động ngành TTCN còn thấp. Lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn.

- Một số mặt hàng xuất khẩu nhưng sản lượng và giá trị xuất khẩu còn thấp.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật của huyện chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển; hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp chưa được quan tâm đúng mức.

- Chưa thực hiện được một cách có hiệu quả việc khôi phục và phát triển một số ngành nghề truyền thống địa phương và xây dựng các làng nghề, cụm, điểm sản xuất TTCN.

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP**

#### **HUYỆN TIÊN PHƯỚC**

#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TTCN HUYỆN TIÊN PHƯỚC**

##### **3.1.1. Quan điểm phát triển TTCN huyện Tiên Phước**

Ưu tiên phát triển một số ngành TTCN có lợi thế cạnh tranh và các sản phẩm chủ lực theo quy hoạch chung của tỉnh và thế mạnh của huyện.

Phát triển TTCN theo hướng đầu tư theo chiều sâu, nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giá cả hợp lý, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Việc khai thác và sử dụng nguồn lực phải đảm bảo tính bền vững trong phát triển. Phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

### **3.1.2. Mục tiêu đến năm 2020**

- Tổng giá trị sản xuất Tiểu thủ công nghiệp của huyện đến năm 2020 đạt 126.420,4 triệu đồng. Giá trị sản xuất Tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hằng năm 24% [16].

- Đào tạo nghề cho 4.200 lao động; thành lập 3 hiệp hội ngành nghề: Tràm hương, Tiêu, Lòn Bon; phát triển 3 làng nghề sản xuất truyền thống mà huyện có thế mạnh: Sản xuất Tràm hương, sản xuất bún, sản xuất chổi đót [25].

- Số cụm công nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động là 6 cụm công nghiệp với tổng diện tích 79,7 ha [25].

### **3.1.3. Phương hướng phát triển TTCN huyện Tiên Phước**

- Tập trung hoàn thiện việc quy hoạch phát triển, hình thành các cụm, điểm TTCN nhằm tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp.

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp khai thác và chế biến; củng cố các cơ sở hiện có, khuyến khích phát triển các cơ sở hoạt động sản xuất các sản phẩm chủ lực của huyện. Kết hợp đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ với đầu tư mở rộng sản xuất các ngành hàng mới có lợi thế về nhu cầu thị trường và những ngành thu hút nhiều lao động [27].

- Duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống, chủ động phát triển các ngành nghề mới phù hợp với điều kiện thực tế của huyện nhằm tăng thu nhập và giải quyết lao động [26].

## **3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HUYỆN TIÊN PHƯỚC**

### **3.2.1. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn**

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư trên cơ sở phát huy các nguồn nội lực đồng thời tranh thủ khai thác các nguồn vốn từ bên ngoài. Áp dụng nhiều hình thức huy động vốn một cách linh hoạt, nhằm khai thác tốt các nguồn vốn nội lực trong dân,

trong các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp trên địa bàn cho việc đầu tư phát triển sản xuất TTCN.

- Duy trì và cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư theo hướng thông thoáng nhằm thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia.

- Xây dựng chính sách khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế có tiềm lực về tài chính tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại các cụm công nghiệp trên địa bàn. Áp dụng huy động vốn ứng trước đối với các nhà đầu tư để đầu tư hạ tầng mà trước tiên là phục vụ giải phóng mặt bằng, đầu tư cho điện, nước, giao thông.

- Khai thông việc tạo vốn cho các cơ sở sản xuất TTCN từ các nguồn vốn tín dụng đầu tư của các Ngân hàng Thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội,...Đồng thời lồng ghép với nguồn vốn của chương trình dự án khác.

- Cải tiến và đa dạng hóa các phương thức cho vay nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tiếp cận với các nguồn vốn vay. Bởi thực tế hiện nay, mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã hạ lãi suất cho vay nhưng các doanh nghiệp rất khó có khả năng vay vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Ưu tiên bố trí các nguồn vốn cho đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phát triển TTCN, cho công tác quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, hoạt động khoa học công nghệ,...

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần để đào tạo nghề cho người lao động nhằm cung cấp cho các nhà máy, doanh nghiệp sử dụng lao động tại địa phương.

- Về phía các doanh nghiệp, phải tăng cường tiết kiệm chi phí, hạ giá thành, quay nhanh vòng vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Cần tạo môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư và ban hành nhiều chính sách ưu đãi hơn nữa đối với đầu tư sản xuất TTCN ở huyện, nhất là lĩnh vực chế biến nông, lâm sản.

### **3.2.2. Phát triển nguồn nhân lực**

- Các doanh nghiệp, đơn vị đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn phải xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực để đào tạo các ngành nghề phù hợp theo yêu cầu, đảm bảo đủ nguồn lao động có tay nghề và sử dụng hợp lý, có hiệu quả.

- Địa phương phối hợp với các tổ chức, các doanh nghiệp, các đơn vị mở các lớp đào tạo nghề, xây dựng các mô hình tại địa phương, các cơ sở sản xuất theo các chương trình, kế hoạch phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển; tổ chức đi học tập các mô hình tại các địa phương khác để vận dụng xây dựng các mô hình nhân rộng tại địa phương.

- Khuyến khích, hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tiếp nhận học sinh tốt nghiệp ở các trường theo từng lĩnh vực chuyên ngành; có chính sách hỗ trợ thu hút nhân tài, chuyên gia giỏi, thợ giỏi trong ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để quản lý, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá.

### **3.2.3. Đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào sản xuất TTCN**

- Khuyến khích các cơ sở TTCN đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất theo phương châm kết hợp công nghệ tiên tiến hiện đại với kinh nghiệm truyền thống để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả và tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Ưu tiên, khuyến khích các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến phù hợp trong sản xuất kinh doanh, đầu tư trên địa bàn để góp phần nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm hàng hoá, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ của thị trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học - kỹ thuật;

tăng cường các hoạt động khoa học công nghệ, cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm TTCN. Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất TTCN đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất sản xuất TTCN và tiết kiệm năng lượng.

#### **3.2.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm**

- Tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hàng xuất khẩu... Tiếp cận thị trường thương mại điện tử, nhà nước cùng với các tổ chức doanh nghiệp tổ chức nghiên cứu tìm kiếm thị trường, xúc tiến mậu dịch, thương mại, mở các hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư trên các lĩnh vực.

- Các đơn vị, công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phát huy tính chủ động và vai trò chủ đạo trong nghiên cứu phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm hàng hoá; có chiến lược phát triển cụ thể.

- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất TTCN phải tăng cường tham gia các hội chợ triển lãm về giới thiệu sản phẩm hàng hoá trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong và ngoài nước; đẩy mạnh quảng bá, trưng bày giới thiệu sản phẩm, khuyến mãi và dịch vụ chăm sóc khách hàng.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm thông qua hội chợ, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, phát triển các điểm du lịch làng nghề để mở ra thị trường tiêu thụ tại chỗ cho sản phẩm tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Tiếp tục củng cố các thị trường hiện có, phát triển các thị trường mới, tập trung các thị trường có triển vọng, đặc biệt chú trọng thị trường nước ngoài để mở rộng xuất khẩu.

- Hỗ trợ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thị trường, quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp trên các phương tiện

thông tin đại chúng,

- Xây dựng mối liên hiệp hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, cung cấp nguyên vật liệu... tránh hiện tượng tranh mua, tranh bán, chèn ép và các tiêu cực khác gây rối loạn thị trường. Làm tốt công tác dự báo thị trường để giúp các doanh nghiệp chủ động và nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược phát triển thị trường của mình, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động của bộ phận marketing, coi trọng việc xây dựng và đăng ký nhãn mác cho các thương hiệu sản phẩm của mình trên thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng bằng nhiều biện pháp.

- Cần xây dựng chính sách mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm TTCN, tạo kích cầu, sản xuất hàng xuất khẩu,... hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh TTCN tham gia các hội chợ, hội thảo về công tác xúc tiến thương mại và tìm kiếm phát triển thị trường.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập các hiệp hội ngành nghề trong phát triển TTCN nhằm xây dựng cộng đồng doanh nghiệp có tính bền vững, hỗ trợ và liên kết, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

### **3.2.5. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và giải quyết mặt bằng sản xuất cho các cơ sở TTCN**

- Tập trung huy động nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp gắn với thu hút có hiệu quả đầu tư để tránh lãng phí tài nguyên, đất đai. Rà soát, lựa chọn các cụm công nghiệp thật sự phát huy hiệu quả để đầu tư hạ tầng đồng bộ nhằm thu hút đầu tư.

- Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, các điểm công nghiệp,



tiểu thủ công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch chung đã được duyệt và quy hoạch xây dựng nông thôn mới cùng với nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp để quản lý quy hoạch, thu hút, kêu gọi các nguồn vốn đầu tư.

- Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất tại các cụm công nghiệp để thu hút bố trí các dự án, các ngành nghề phát triển TTCN.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, Tỉnh, đồng thời chủ động, tích cực phối hợp với các ngành cấp trên, các doanh nghiệp, các đơn vị để khai thác, huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nhu cầu của các cụm công nghiệp, các làng nghề, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện; đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã, xóm, các cụm, điểm công nghiệp và làng nghề; đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm, điểm công nghiệp, các làng nghề để tạo điều kiện tốt nhất thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân vào đầu tư triển khai thực hiện các dự án cho các doanh nghiệp đầu tư vào huyện.

**3.2.6. Xác định những ngành nghề TTCN cần ưu tiên đầu tư phát triển**

**3.2.7. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường**

**3.2.8. Nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công**

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Nhìn chung TTCN của huyện từ năm 2009 - 2013 vẫn còn phát triển chậm mặc dù có tiềm năng rất mạnh về lao động và nguồn nguyên liệu nông, lâm sản đa dạng,... TTCN trên địa bàn huyện chủ yếu phát triển ở những xã, thị trấn có điều kiện thuận lợi về giao thông và dân cư tập trung đông đúc, còn những xã ở vùng sâu, vùng xa lại phát triển chậm và thị trường tiêu thụ lại bị bó hẹp ở trong huyện là chủ yếu. Trong cơ cấu kinh tế của huyện Tiên Phước, ngành TTCN đã có những đóng góp quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, đẩy nhanh tốc độ CNH - HĐH. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ngành TTCN vẫn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, làm ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng.

### **2. Kiến nghị**

- Các ngành từ Trung ương đến địa phương, nhất là cấp Trung ương cần có thông tin dự báo để giúp đỡ về thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các cơ sở sản xuất nhất là các mặt hàng xuất khẩu.

- UBND tỉnh Quảng Nam cần tăng cường hỗ trợ vốn cho huyện trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, nâng cấp giao thông,... phục vụ cho quá trình phát triển TTCN của huyện.

- UBND huyện Tiên Phước tăng cường công tác quản lý nhà nước về TTCN, tạo mọi điều kiện cho sản xuất TTCN phát triển. Cần nâng cao hiệu quả công tác khuyến công.